

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH LIÊM
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 9 - 2018
V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH LIÊM - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Xuân Cảnh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Thủy;
2. Bà Lê Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Trần Kim Anh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2018 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Quang B - sinh năm 1972;

Nơi ĐKKHKT: Thôn TT, xã TH, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam; có mặt,

2. Bị đơn: Bà Lại Thị V - sinh năm 1970;

Nơi ĐKKHKT: Thôn TT, xã TH, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/6/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Lê Quang B trình bày:

Ông kết hôn với bà Lại Thị V vào năm 1991 trên cơ sở có tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông sinh sống tại thôn TT, xã TH, huyện Thanh Liêm. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng trong quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày một phai nhạt. Vì thế, năm 2006 ông đi miền Nam làm ăn đến năm 2011 mới quay về chung sống với bà V, nhưng vợ chồng vẫn không giải quyết được bất

đồng, mâu thuẫn ngày một thêm trầm trọng. Bà V thường xúc phạm danh dự, nhân phẩm của ông; thậm chí còn nhờ người làm bùa ngải để hại ông. Vì vậy, vợ chồng tiếp tục sống ly thân không ai quan tâm đến ai từ đó cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng đã được các con cùng họ hàng khuyên bảo, nhưng đều không có kết quả. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà V.

- Về con chung: Vợ chồng ông có 02 con chung là Lê Quang T - sinh ngày 17/5/1992 và Lê Quang L - sinh ngày 17/6/1998. Hiện nay cháu T đã xây dựng gia đình và sinh sống tại thôn TT, xã TH; còn cháu L hiện tại sống tự lập, đang làm việc ở Hà Nội. Do các cháu đã lớn, có cuộc sống riêng và hoàn toàn tự lập, nên ông không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết về việc nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Ông tự nguyện để lại toàn bộ tài sản chung của vợ chồng cho các con, nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Vợ chồng ông không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng ông, nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về ruộng tăng sản, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 13/6/2018 và tại các biên bản hòa giải, bị đơn Lại Thị V trình bày: Về thời điểm kết hôn, thủ tục kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, bà nhất trí với phần trình bày của ông B. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, ông B có quan hệ với người phụ nữ khác. Bà và các con đã khuyên bảo nhiều nhưng ông B không nhận thức ra. Năm 2006, ông B đi miền Nam làm ăn đến năm 2011 mới về, nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không được cải thiện. Bà có nhờ người làm bùa phép để ông B quay về với vợ con và chữa bệnh cho ông chứ không phải để làm hại ông. Bà xác định ông bà sống ly thân và không ai quan tâm đến ai đã lâu, tình cảm vợ chồng thực sự không còn; nhưng để giữ danh giá cho bà và các con, nên bà không đồng ý ly hôn. Nếu ông B vẫn kiên quyết xin ly hôn, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Bà nhất trí như ý kiến của ông B. Do các con chung của ông bà đã trưởng thành, đều đã sống tự lập, nên bà không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Do ông B để lại toàn bộ tài sản cho các con, mặt khác bà không nhất trí ly hôn, nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng; nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Bà xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Xác minh tại UBND xã TH, chính quyền địa phương cho biết: Mâu thuẫn vợ chồng ông bà là có thực. Ông B và bà V sống ly thân nhau đã lâu, khả năng

đoàn tụ không còn; đề nghị Tòa án xem xét giải quyết việc ly hôn của ông, bà theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, ông B và bà V vẫn giữ nguyên quan điểm.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội - Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang B. Xử lý hôn giữa ông Lê Quang B và bà Lại Thị V. Về án phí ly hôn sơ thẩm, ông Lê Quang B phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của ông Lê Quang B có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn là bà Lại Thị V hiện đang cư trú tại thôn TT, xã TH, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm.

[2] Hôn nhân giữa ông Lê Quang B và bà Lại Thị V là tự nguyện, hợp pháp. Quá trình chung sống, do tính tình không hợp, bất đồng trong quan điểm sống và ông B có quan hệ với người phụ nữ khác, nên vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay, không quan tâm đến nhau và cũng không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm, hàn gắn quan hệ vợ chồng. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải và Tòa án tiến hành hòa giải, nhưng không thành. Ông B vẫn kiên quyết xin ly hôn.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa ông B và bà V đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc xin ly hôn của ông B là có căn cứ, phù hợp với thực tế và pháp luật quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Lê Quang T - sinh ngày 17/5/1992 và Lê Quang L - sinh ngày 17/6/1998. Hội đồng xét xử xét thấy, con chung của ông bà đã trưởng thành, trên 18 tuổi, đều đang sống tự lập; ông, bà không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ, ruộng tăng sản, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Ông Lê Quang B và bà Lại Thị V đều không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Ông Lê Quang B phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Lê Quang B và bà Lại Thị V.

2. Án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Lê Quang B phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 04346 ngày 11/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Liêm.

3. Quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Thanh Liêm;
- Chi cục THADS huyện Thanh Liêm;
- UBND xã TH, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Xuân Cảnh